

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2023 của
Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy
kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (UBND) ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết với nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

b) Tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi, các nguồn lực bên ngoài để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững, phù hợp với các định hướng và mục tiêu đã đề ra; tạo sự chuyển biến nhanh, vững chắc về chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa; xây dựng môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, văn minh, đảm bảo công bằng và an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách, sự chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống dân cư giữa nông thôn và thành thị; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

c) Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, khai thác có hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên.

2. Yêu cầu

a) Xác định rõ các nhóm giải pháp chung và nhiệm vụ cụ thể của các Sở, ngành, đơn vị, địa phương trong tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng tiếp tục đổi mới tư duy, cách làm, quyết liệt, đồng bộ, thống nhất nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai phát triển nhanh và bền vững.

b) Đảm bảo bám sát mục tiêu và nhiệm vụ đặt ra, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, quyết liệt trong công tác phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ giữa Sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan.

c) Trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030 đã nêu trong Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 16/12/2022 của Chính phủ và Kế hoạch này; căn cứ tình hình thực tế tại địa phương các sở, ngành, đơn vị, địa phương tích cực triển khai đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã được giao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách lớn đã đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII trong bối cảnh nước ta đang triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030, trong đó trọng tâm là: Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế; bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhanh chóng phục hồi kinh tế vượt qua các tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19; chủ động hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và hiệu quả nhằm thu hút nguồn lực bên ngoài cho phát triển, tăng cường sự gắn kết lợi ích với các đối tác và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, bảo đảm an ninh quốc gia.

b) Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực và yếu tố con người để Đồng Nai phát triển nhanh, bền vững và toàn diện trên các trụ cột về kinh tế, xã hội, môi trường và đảm bảo quốc phòng - an ninh; nâng cao nhanh và bền vững năng lực cạnh tranh của tỉnh dựa trên thu hút đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công nghiệp chế biến chế tạo, du lịch, nông nghiệp

c) Năm 2030, Đồng Nai đặt mục tiêu trở thành một nền kinh tế năng động - là động lực tăng trưởng, hạt nhân phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu cần thiết để trở thành phố Trực thuộc Trung ương trong giai đoạn 2030-2035. Tỉnh sẽ đi đầu trong phát triển công nghiệp hiện đại, trung tâm Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cửa ngõ trung chuyển của miền Nam, với hệ thống đô thị ven sông, đô thị sinh thái hiện đại, thông minh và đáng sống với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và y tế hàng đầu cả nước.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Tỉnh Đồng Nai trong vùng Đông Nam Bộ trở thành khu vực phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng cao; trung tâm công nghiệp công nghệ cao, sử dụng công nghệ xanh, công nghệ tuần hoàn; dịch vụ logistics có tính cạnh tranh cao trong khu vực. Phát triển hệ thống đô thị thông minh và hiện đại, là một trong những tỉnh đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính. Cơ bản hoàn thành hệ thống giao thông kết

nội nội vùng, liên vùng và khu vực; đầu mối giao thương, hội nhập khu vực và thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế phát triển đứng đầu cả nước. Tình trạng ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện rõ nét và dẫn đầu cả nước.

3. Phấn đấu một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt từ 8,5 trở lên.

- Cơ cấu kinh tế các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm - thuỷ sản, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tương ứng đạt 59% - 29% - 6% - 6%.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 380 triệu đồng, tương đương khoảng 14.500 USD; tỉ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30%; tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 62%; 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 7%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 62,8%.

- Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 40 - 45%; tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 2%; đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 10.000 dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

- Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 28,3%; Tỷ lệ dân số tại đô thị sử dụng nước sạch đạt chuẩn là 95%; Tỷ lệ dân số tại nông thôn sử dụng nước sạch đạt chuẩn là 95%; đạt 100% tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; đạt 100% tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; đạt 100% tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Giải pháp thực hiện

a) Cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương để chủ động thực hiện hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với tiến trình hội nhập, nhằm tăng cường công tác quản lý và khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, thu hút lao động, giải quyết việc làm, thực hiện chính sách xã hội... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, đảm bảo lãnh đạo, quản lý thống nhất, thông suốt, có tính

chuyên nghiệp cao, thực sự là nền hành chính phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng và triển khai thực thi các chương trình hành động, kế hoạch... về hội nhập kinh tế quốc tế từ nay đến năm 2030, đảm bảo nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế để mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn vốn, tài sản trí tuệ, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý trên thế giới.

- Triển khai mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xuất nhập khẩu, thuế,... rà soát, đề xuất cắt giảm các điều kiện kinh doanh bất hợp lý, các thủ tục không cần thiết để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình tra cứu và thực thi.

- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý Nhà nước, doanh nghiệp và người dân về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung, đặc biệt là cơ hội, thách thức và những yêu cầu cần đáp ứng khi thực thi các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo sự đồng thuận cao và tham gia hiệu quả vào quá trình hội nhập.

b) Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh

- Nâng cao hiệu quả cải thiện môi trường kinh doanh, đảm bảo tính bình đẳng, minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh mang đến sự ổn định và dễ dự đoán của chính sách. Đưa ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, thực chất hơn để giải quyết triệt để được những vấn đề còn vướng mắc đối với môi trường kinh doanh. Khắc phục tình trạng thiếu kết nối, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đối với từng lĩnh vực phụ trách. Phân định trách nhiệm rõ ràng đối với các cơ quan, đơn vị chủ trì để doanh nghiệp và người dân biết, giám sát chặt chẽ việc triển khai. Thực hiện thực chất, hiệu quả các quy định pháp luật nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước phát triển ổn định, tăng năng suất, chất lượng, tạo nền tảng, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển các sản phẩm, ngành hàng cụ thể gắn kết với chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu có chiều sâu, hiệu quả và bền vững; thực hiện tốt công tác cảnh báo sớm về các biện pháp phòng vệ thương mại, đồng thời tận dụng tốt các quy định quốc tế về chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc xuất xứ, đăng ký bản quyền, thương hiệu, thúc đẩy áp dụng các giải pháp về mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc để bảo vệ doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam trong thương mại quốc tế.

- Tích cực triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, du lịch, xây dựng thương hiệu; phát triển thương mại điện tử để tăng cường khả năng giao dịch, tìm kiếm, mở rộng thị trường.

- Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả và bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp. Cải thiện từng bước cơ sở hạ tầng logistics nội địa, đặc biệt là kho bãi và vận chuyển từ các vùng sản xuất tới các cảng quốc tế.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong quản lý Nhà nước theo Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn để phục vụ tốt hơn cho các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Cập nhật đầy đủ, kịp thời các dữ liệu liên quan tới dịch vụ công; chú trọng các dịch vụ công thiết thực đối với người dân, cung cấp hạ tầng cho thúc đẩy kinh doanh thương mại điện tử.

c) Thực thi hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

- Rà soát, khắc phục sự chồng chéo giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy hiệu quả vai trò của cơ quan chủ trì trong việc thực thi các cam kết FTA; Tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương; Đẩy mạnh nghiên cứu, cảnh báo, phổ biến các biện pháp kỹ thuật của các nước cho các doanh nghiệp trong nước và các cơ quan quản lý liên quan để chủ động đối phó với các rào cản kỹ thuật.

- Tiếp tục thực thi đầy đủ, nghiêm túc các cam kết về hội nhập kinh tế quốc tế và các cam kết trong các FTA; nghiên cứu; nghiên cứu và tập trung triển khai có hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia, đặc biệt là kế hoạch thực thi các FTA thế hệ mới như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), tăng cường tận dụng ưu đãi trong các FTA để thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng thị trường. Tận dụng; các bảo lưu quyền/ngoại lệ (đặc biệt là các ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, các ngoại lệ của một số cam kết quy tắc), thực hiện linh hoạt các yêu cầu của cam kết vì lợi ích nội tại của Việt Nam.

- Triển khai thực hiện Công văn số 14799/UBND-KTNS ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Quyết định 1659/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại trong bối cảnh tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tăng cường tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn nâng cao năng lực về hội nhập quốc tế, vận dụng hiệu quả các FTA mà Việt Nam đã tham gia ký kết (đặc biệt là đối với các FTA thế hệ mới).

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cung cấp thông tin, dự báo về các thị trường xuất khẩu để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thể kịp thời nắm bắt các thông tin, yêu cầu kỹ thuật, quy định về quản lý xuất nhập khẩu hàng hóa của các nước quốc gia phục vụ việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp, hạn chế tối đa rủi ro trong quá trình thực hiện hoạt động giao thương.

d) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hậu Covid-19 và phát triển bền vững

- Chú trọng xây dựng các kịch bản ứng phó/thích ứng hiệu quả với các tình huống thiên tai, dịch bệnh,... trong thời gian tới. Tiến hành các biện pháp nhằm phục hồi chuỗi cung ứng, bảo đảm lưu thông hàng hoá, hoạt động sản xuất, kinh doanh an toàn, thông suốt của doanh nghiệp trong điều kiện bình thường mới. Duy trì và cải thiện năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tận dụng các cơ hội nhất định từ quá trình tái cơ cấu chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu hậu Covid-19 để tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp của tỉnh vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; tận dụng làn sóng dịch chuyển đầu tư hậu Covid-19 để thu hút đầu tư nước ngoài vào Đồng Nai.

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, tăng trưởng xanh trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô. Thực hiện tốt Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2025. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, xã hội; đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

- Triển khai quyết liệt các chương trình đầu tư quy mô lớn, nhất là cho hạ tầng chiến lược, thúc đẩy các dự án hạ tầng giao thông liên vùng, năng lượng xanh, hạ tầng xanh, hạ tầng số quốc gia,... để tạo tác động lan tỏa, tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Triển khai quy hoạch tỉnh, xây dựng quy hoạch phát triển các ngành kết cấu hạ tầng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục đề xuất và thực hiện hiệu quả các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, tạo cơ hội việc làm cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. Xây dựng phương án phục hồi thị trường lao động giai đoạn hậu Covid-19 đảm bảo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất, nhất là nhóm doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Đẩy mạnh tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Đồng Nai. Khuyến khích các phương thức đầu tư, mô hình kinh doanh mới, xanh, ít phát thải, có sự tham gia của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân, nhất là phát huy hiệu quả mô hình hợp tác công - tư vào đầu tư cơ sở hạ tầng. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp

của doanh nghiệp đầu tư; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người lao động.

- Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo, chú trọng đào tạo nhân lực số, lao động có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, sẵn sàng đón nhận xu hướng chuyển dịch chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển bền vững, xác định rõ và tập trung thực hiện đồng bộ hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường. Thực hiện tốt các cam kết quốc tế liên quan đến môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ) Hội nhập toàn diện trên các lĩnh vực văn hóa xã hội, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng

- Thực hiện tốt công tác dự báo, phân tích, đánh giá và nhận định đúng, đầy đủ, kịp thời tình hình khu vực và địa phương, nhất là những biến động lớn ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh để có những quyết sách và hành động nhanh chóng, quyết liệt và phù hợp; gắn kết hài hòa giữa hội nhập quốc tế với đổi mới trong nước; phát huy tối đa và kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước.

- Tăng cường nghiên cứu, tìm hiểu các xu thế phát triển, các sáng kiến mới và kinh nghiệm của các quốc gia trong quá trình hội nhập, đặc biệt là các quốc gia đang thực thi hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế.

- Mở rộng và dần đi vào chiều sâu các hoạt động hội nhập trong lĩnh vực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, từ nghiên cứu cơ bản đến nghiên cứu ứng dụng; khoa học xã hội nhân văn, khoa học tự nhiên, nghiên cứu liên ngành, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường chất lượng; chuyển giao công nghệ, thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ trong nước,... để phục vụ có hiệu quả hơn cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tích cực việc tham gia các sự kiện quốc tế, ứng cử và đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại các tổ chức quốc tế; chủ động đề xuất các sáng kiến, tạo dấu ấn tích cực, nâng cao vị thế và giá trị Việt Nam trong quan hệ với các nước.

- Hoàn thiện thể chế, bảo đảm củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phân cấp, phân quyền trên cơ sở bảo đảm tính kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

- Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác kinh doanh lâu dài. Tạo điều kiện, cơ hội cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với bảo vệ, phát triển bền vững trong phạm vi toàn tỉnh. Giữ vững ổn định chính trị, an ninh

quốc gia trong các mối quan hệ quốc tế, bảo đảm kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển với tăng cường mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, chú trọng hợp tác kinh tế với các nước có thể mạnh, tạo đan xen lợi ích.

2. Phân công nhiệm vụ

(Chi tiết theo Phụ lục phân công nhiệm vụ kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ trước ngày **15 tháng 11** hàng năm, hoặc đột xuất theo yêu cầu báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Công Thương) kết quả thực hiện.

2. Giao Sở Công Thương, cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Phát triển Kinh tế tỉnh Đồng Nai theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng năm tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Công Thương trước ngày **05 tháng 12** hàng năm để tổng hợp báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi bổ sung, đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030 của UBND tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- BCĐ Quốc gia về HNQT (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ PT Kinh tế tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị trên địa bàn tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Cổng thông tin ĐT tỉnh;
- Lưu VT.THNC, KTNS



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC

PHẦN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 93/NQ-CP NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ, THÚC ĐẨY KINH TẾ PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2023 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai
1	Sở Công Thương		
1.1	Chủ trì triển khai Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ và Kế hoạch này nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
1.2	Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thành viên BCD Phát triển Kinh tế tỉnh, hàng năm tham mưu xây dựng Kế hoạch hoạt động BCD Phát triển Kinh tế, lồng ghép triển khai công tác hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh.	Thành viên BCD Phát triển Kinh tế tỉnh	Hàng năm
1.3	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao kiến thức pháp luật quốc tế và các kỹ năng xử lý các vấn đề pháp luật quốc tế cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và cán bộ làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế; tổ chức các lớp bồi dưỡng, kịp thời phổ biến những vấn đề hội nhập mang tính thời sự, những vấn đề mới như các Hiệp định thương mại tự do và các cam kết khác mà Việt Nam đã tham gia.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên
1.4	Tổ chức hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại bằng phương thức truyền thống kết hợp với phương thức điện tử; phát triển loại hình thương mại điện tử qua biên giới và mở rộng thị trường hàng hoá sang các nước nhằm tận dụng hiệu quả các ưu đãi thuế quan của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết; Nâng cao chất lượng các hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức tham gia và hỗ trợ doanh nghiệp của Việt Nam tham gia hoạt động XTTM khác do nước ngoài tổ chức,...	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
1.5	Tăng cường phối hợp với các Bộ, Sở ban ngành và địa phương nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng đa dạng về hình thức, chuyên sâu về những nội dung mà cộng đồng doanh nghiệp quan tâm; tuyên truyền các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong khuôn khổ WTO, CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP và các FTA mà Việt Nam tham gia.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên

1.6	Thường xuyên nghiên cứu, dự báo, cập nhật thông tin liên quan đến sự biến động của thị trường thế giới và nhu cầu sản phẩm, số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, thị hiếu,... để hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi cung ứng sản phẩm.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư		
2.1	Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Sở ban ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025; trong đó chú trọng xây dựng và thực hiện các giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt là đầu tư từ các đối tác FTA, gắn với cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân trong nước; đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm vào các đối tác tiềm năng, thu hút các nhà đầu tư chiến lược có năng lực kinh nghiệm, tài chính, các tập đoàn xuyên quốc gia có công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghệ xanh thân thiện với môi trường.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
2.2	Theo dõi, tổng hợp số liệu đầu tư của các nước tham gia FTA với Việt Nam tại Đồng Nai, cung cấp cho UBND tỉnh tiến hành theo dõi việc thực thi các FTA.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
2.3	Tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương, các tổ chức quốc tế tiếp tục tham mưu UBND tỉnh tăng cường thiết lập mối quan hệ với các tổ chức tư vấn, các tập đoàn lớn để xúc tiến, mời gọi đầu tư.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
2.4	Tiếp tục hỗ trợ các nhà đầu tư, cung cấp thông tin, số liệu liên quan để các nhà đầu tư khảo sát, lập dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh về lĩnh vực khuyến khích đầu tư. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh đến các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
2.5	Khai thác hiệu quả các kênh thông tin để tuyên truyền các hoạt động, chương trình xúc tiến đầu tư vào địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông; Các cơ quan báo, đài	Thường xuyên

3	Sở Tài chính		
3.1	Tham gia hợp tác quốc tế, ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực tài chính theo quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
4	Sở Ngoại vụ		
4.1	Chủ trì tham mưu các hoạt động đối ngoại nhằm củng cố, làm sâu sắc hơn quan hệ đã thiết lập giữa tỉnh Đồng Nai với các địa phương nước ngoài, các tổ chức, định chế tài chính lớn trên thế giới và các đối tác quan trọng, đối tác chiến lược khác. Tham mưu việc mở rộng và phát triển thêm các quan hệ hữu nghị, hợp tác với các địa phương, vùng lãnh thổ và tổ chức, đối tác quốc tế mới. Thông qua quan hệ ngoại giao để thu hút, xúc tiến đầu tư, thương mại, phát triển các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh, huy động nguồn lực và đan xen các lợi ích kinh tế khác với các đối tác nước ngoài.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
4.2	Đẩy mạnh công tác triển khai thực hiện các nội dung hợp tác với các đối tác nước ngoài trên cơ sở các biên bản, thỏa thuận hợp tác đã ký kết, đặc biệt là bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
4.3	Tăng cường các hoạt động đối ngoại, duy trì quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước. Đề xuất đàm phán, thông nhất, tiến tới ký kết với các tỉnh, thành phố khác. Tham mưu đánh giá, ký kết và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trong Thỏa thuận hợp tác về kinh tế giữa Tỉnh Đồng Nai với các nước.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
4.4	Triển khai thực hiện hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển tỉnh Đồng Nai theo Kế hoạch hành động triển khai công tác ngoại giao kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2026; Tiếp tục triển khai công tác thông tin đối ngoại theo tinh thần chỉ đạo của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 10/9/2009 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới; Tiếp tục triển khai hiệu quả Quyết định số 1275/QĐ-TTg ngày 19/8/2020 phê duyệt Đề án Bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại và ngoại ngữ, phiên dịch cho công chức, viên chức ngoại vụ địa phương giai đoạn 2021 – 2025.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
4.5	Tăng cường kết nối, trao đổi với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao các nước tại Việt Nam, các cơ quan nhà nước ở Trung ương để tổ chức	Các sở, ban, ngành, địa	Thường xuyên

	các hoạt động đối ngoại quảng bá hình ảnh địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá và giới thiệu sản phẩm, kết nối, tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường quốc tế; hỗ trợ, bảo hộ quyền lợi chính đáng của người dân, doanh nghiệp tại nước ngoài.	phương liên quan	
5	Sở Tư pháp		
5.1	Phối hợp với các Sở, ban, ngành thực hiện rà soát, đánh giá các văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành còn hiệu lực thi hành với các yêu cầu, nghĩa vụ phải thực hiện theo các FTA.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
5.2	Nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh để đảm bảo phù hợp với các cam kết của Việt Nam.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
5.3	Tăng cường phối hợp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng pháp luật quốc tế theo hướng hiện đại, tiến tới ngang tầm khu vực và quốc tế.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Hàng năm
6	Sở Khoa học và Công nghệ		
6.1	Cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý chất lượng, các quy định của các Bộ, ngành liên quan đến sản xuất hàng hóa trong tỉnh; cung cấp các thông tin cần thiết để hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các biện pháp kỹ thuật (tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình đánh giá sự phù hợp) nhằm đáp ứng yêu cầu và tiếp cận tốt hơn với thị trường xuất khẩu.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
6.2	Tiếp tục triển khai thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh Đồng Nai.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
6.3	Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030, Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia đến năm 2030 và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
6.4	Triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch về tăng cường hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phục vụ công tác hội nhập kinh tế quốc tế, cụ thể: (i) Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, hội	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

	nhập quốc tế đến 2025, định hướng đến 2030" (Quyết định số <u>996/QĐ-TTg</u> ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ); (ii) Đề án "Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc" (Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ); (iii) Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số <u>36/QĐ-TTg</u> ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ).		
6.5	Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thực thi các cam kết về hàng rào kỹ thuật trong thương mại trong khuôn khổ WTO, CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP và các FTA mà Việt Nam tham gia.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
6.6	Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai theo định hướng của tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
6.7	Triển khai Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh và hướng dẫn hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
7	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
7.1	Tiếp tục tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả, đạt các chỉ tiêu về Chương trình Nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm để phát triển kinh tế hạ tầng nông thôn, nâng cao đời sống nông dân.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
7.2	Triển khai thực hiện và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, mở rộng chuỗi liên kết sản xuất - chế biến – tiêu thụ nhằm phát triển nền kinh tế nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp bền vững.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
7.3	Thúc đẩy thị trường theo hướng liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm nông nghiệp xanh, an toàn, hữu cơ, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
7.4	Triển khai đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp (thủy sản) về thông tin các chính sách và trình tự thủ tục công nhận doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh như Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

	tướng Chính phủ về “Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao”, Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về “Ban hành định mức hỗ trợ đối với các hạng mục, công trình đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.		
7.5	Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, tận dụng công nghệ 4.0 để thực hiện số hóa nền nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất và tăng khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
7.6	Phát triển công nghiệp chế biến hàng nông sản, nâng cao giá trị, chất lượng, khả năng cạnh tranh cho nông sản, góp phần chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu sản xuất, hướng tới xuất khẩu, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp phụ trợ và công nghiệp chế biến quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị nông sản khu vực và toàn cầu.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
8	Sở Thông tin và Truyền thông		
8.1	Phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo, đài trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác đối ngoại, đối ngoại nhân dân, công tác phi chính phủ, hội nhập quốc tế, Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA, Hiệp định RCEP, hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân về các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế”	Các cơ quan báo, đài; Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
8.2	Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; phối hợp các Sở, ngành, địa phương định kỳ hàng năm báo cáo UBND, Bộ Thông tin và Truyền thông tình hình thực hiện.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
8.3	Chủ trì tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 được ban hành tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
8.4	Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế nhằm tạo sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân về các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước về hội nhập kinh tế quốc	Các cơ quan báo, đài; Các sở, ban,	Thường xuyên

	tế.	ngành, địa phương liên quan	
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
9.1	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 210/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (triển khai tại Kế hoạch số 5096/KH-UBND tỉnh ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện “Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030)	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
9.2	Tiếp tục Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược phát triển văn hóa đối ngoại của Việt Nam (Triển khai tại Kế hoạch số 14180/KH-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh)	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
9.3	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (triển khai tại Kế hoạch số 5739/KH-UBND ngày 15/6/2017 của UBND tỉnh)” và tiếp tục triển khai Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
9.4	Xây dựng những sản phẩm văn hóa đối ngoại (tổ chức triển lãm mỹ thuật khu vực), giới thiệu các bộ sưu tập nhiếp ảnh danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa tham gia các cuộc triển lãm quốc tế; xây dựng chương trình biểu diễn nghệ thuật mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam phục vụ giao lưu; giới thiệu các bộ sưu tập hiện vật, cổ vật của bảo tàng Đồng Nai đến nước bạn.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
10	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội		
10.1	Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội; chủ trì phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế và các bộ ngành liên quan thực hiện hiệu quả Chương trình việc làm thỏa đáng giai đoạn 2022 - 2026 và Bản ghi nhớ về	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

	hợp tác thúc đẩy các tiêu chuẩn lao động quốc tế tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.		
10.2	Chủ trì, phối hợp triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; nghiên cứu khả năng gia nhập Công ước số 87 của Tổ chức Lao động quốc tế; tham mưu, triển khai thực hiện cam kết về lao động trong các FTA thế hệ mới mà Việt Nam tham gia.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
10.3	Thường xuyên phân tích, dự báo thị trường lao động theo ngành, nghề trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, làm cơ sở xây dựng và tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách về lao động - việc làm, an sinh xã hội, cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động, sử dụng lao động, các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi số để tăng cường kết nối cung - cầu lao động qua nền tảng số.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
10.4	Kịp thời triển khai các chính sách về lao động, việc làm nhằm thu hút và giữ chân nhà đầu tư, các chuyên gia, lao động có trình độ cao phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
10.5	Thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động ngoài nước ngoài đang làm việc tại Việt Nam nhằm bảo đảm nhu cầu nhân lực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Khi có phát sinh hồ sơ
10.6	Tăng cường công tác tuyên truyền, kết nối đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
11	Sở Tài nguyên và Môi trường		
11.1	Chỉ đạo xử lý các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách liên quan đến quản lý chất thải rắn, chất lượng không khí, môi trường làng nghề, môi trường nước và các lưu vực sông; khác phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
11.2	Triển khai thực hiện Kế hoạch Thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

11.3	Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường; xây dựng và thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin và báo cáo môi trường, đẩy mạnh công tác truyền thông môi trường nhằm tăng cường thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và cộng đồng đối với môi trường.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
12	Sở Giáo dục và Đào tạo		
12.1	Tiếp tục duy trì, củng cố, tăng cường mối quan hệ hợp tác, phát huy những kết quả đã đạt được trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giữa tỉnh Đồng Nai với các cơ sở giáo dục nước ngoài.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
12.2	Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, chỉ đạo, điều hành, dạy học; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm định chất lượng giáo dục, kiểm tra, đánh giá một cách sáng tạo, thiết thực, hiệu quả.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
12.3	Hợp tác với các Tổ chức phi chính phủ nhằm tranh thủ sự hỗ trợ các nguồn lực tài chính thông qua các hoạt động nhân đạo.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
13	Sở Xây dựng		
13.1	Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch phát triển đô thị quốc gia, nâng cấp đô thị quốc gia, phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam đến năm 2030 và Đề án “Phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030”.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
13.2	Đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện định mức, dự toán đặc thù trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
13.3	Triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Xây dựng, giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của Sở Xây dựng giai đoạn 2021 - 2025.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
14	Sở Giao thông Vận tải		
14.1	Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng	Các sở, ban,	Thường

	bộ với một số công trình hiện đại; tập trung ưu tiên đầu tư, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án trọng điểm về giao thông đường bộ, đường hàng không kết nối vùng, khu vực, các trung tâm kinh tế trong cả nước và quốc tế, từ đó hỗ trợ hiệu quả cho phát triển công nghiệp và xuất khẩu. Thúc đẩy thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo phương thức đối tác công - tư.	ngành, địa phương liên quan	xuyên
14.2	Đẩy mạnh triển khai các chiến lược, chương trình và kế hoạch tăng cường hợp tác, kết nối giao thông vận tải với các tỉnh lân cận nhằm tranh thủ các nguồn lực để tiếp tục phát triển hệ thống giao thông vận tải và khôi phục hoạt động vận tải nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại cũng như phục hồi chuỗi cung ứng, lưu thông hàng hóa trước tác động của đại dịch COVID-19.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
14.3	Chỉ đạo UBND các địa phương, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát đôn đốc tiến độ các dự án giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh để thực hiện nhiệm vụ đột phá hạ tầng giao thông theo Nghị quyết của Tỉnh ủy.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
14.4	Tiếp tục phối hợp với Trung ương đối với các dự án: đẩy nhanh tiến độ thi công dự án cao tốc Bến Lức – Long Thành, tiến độ hoàn thành các hạng mục còn lại của cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây và phối hợp trong công tác triển khai các dự án cao tốc Dầu Giây – Tân Phú, cao tốc Tân Phú – Bảo Lộc, mở rộng cao tốc TP.HCM – Long Thành – Dầu Giây.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
14.5	Theo dõi đẩy nhanh tiến độ thi công 02 dự án trọng điểm là cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu và đường Vành đai 3 – TP. HCM.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
15	Sở Y tế		
15.1	Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập, tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính trong, ngoài tỉnh và quốc tế. Kêu gọi, vận động các nguồn lực từ các dự án quốc tế, khối doanh nghiệp và cộng đồng, hỗ trợ, đầu tư cho công tác y tế.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
15.2	Hợp tác trong đào tạo nâng cao năng lực ngành y tế nhằm tiếp thu các thành quả, tiến bộ khoa học trên thế giới và khu vực. Mở rộng liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển các lĩnh vực ngành y tế.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
15.3	Triển khai thực hiện Quyết định số 4888/QĐ-BYT ban hành Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019-2025: Ứng dụng và phát triển công nghệ số, công	Các sở, ban, ngành, địa	Thường xuyên

	nghệ thông minh trong y tế góp phần xây dựng hệ thống y tế Việt Nam hiện đại, chất lượng, công bằng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận thông tin y tế để sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao và được bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe liên tục, suốt đời.	phương liên quan	
15.4	Triển khai hệ thống công thông tin điện tử ngành y tế, người dân dễ dàng đăng ký khám, chữa bệnh từ xa, lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh, chuyên khoa qua công thông tin điện tử.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
16	Các Sở, ban, ngành khác		
16.1	Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan, triển khai đồng bộ các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện các giải pháp nêu tại Nghị quyết này.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
16.2	Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Đoàn đàm phán chính phủ về kinh tế và thương mại quốc tế nghiên cứu, đề xuất đàm phán, xây dựng phương án đàm phán FTA đối với các cam kết trong lĩnh vực bộ ngành, phụ trách. Tiếp tục bám sát vào Kế hoạch thực hiện các FTA đã có, triển khai đầy đủ và đúng tiến độ các nhiệm vụ được nêu tại Kế hoạch thực hiện.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
16.3	Thường xuyên rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, luật pháp, các quy định về thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư, kinh doanh và xây dựng hệ thống thông tin hội nhập trên tất cả các lĩnh vực, nhất là về thị trường, thương mại, đầu tư, dịch vụ, du lịch...	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
17	Ngân hàng Nhà nước tỉnh		
17.1	Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng mà trọng tâm là xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém và nợ xấu; đồng thời nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh, tăng sự minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế trong quản trị và hoạt động của các tổ chức tín dụng.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
17.2	Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động chuyên đổi số ngành ngân hàng và tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng trong lĩnh vực thanh toán.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
17.3	Triển khai có hiệu quả Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

17.4	Triển khai có hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
18	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
18.1	Tăng cường kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh và đối ngoại, thúc đẩy đối ngoại quốc phòng, an ninh bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
18.2	Chủ động thúc đẩy tham gia hội nhập quốc tế về quốc phòng và hợp tác quốc tế về quốc phòng nhằm xây dựng lòng tin với các đối tác, tổ chức quốc tế, góp phần bảo vệ môi trường hòa bình, bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập quốc tế về kinh tế.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
18.3	Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Triển khai hiệu quả Kết luận số 53-KL/TW ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 806-NQ/QUTW ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Quân ủy Trung ương về Hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2020 và những năm tiếp theo, Đề án Hội nhập quốc tế về quốc phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tạo sự đan xen, gắn kết lợi ích giữa Việt Nam với các nước đối tác.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
18.4	Tiếp tục triển khai hiệu quả Kết luận số 57-KL/TW ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh, đặc biệt trên những khu vực trọng yếu về quốc phòng - an ninh.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
18.5	Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực kinh tế quốc phòng, hợp tác công nghiệp quốc phòng dưới các hình thức đầu tư, liên doanh, liên kết sản xuất, thương mại quân sự,... với các đối tác phù hợp nhằm góp phần nâng cao tiềm lực quốc phòng, đóng góp vào phát triển kinh tế chung của đất nước.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
19	Công an tỉnh		
19.1	Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường đầu tư, pháp lý an ninh, an toàn cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế. Đề xuất hoàn thiện các văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển bền vững giai đoạn 2021 - 2025.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

19.2	Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 22-NQ-TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị; Nghị Quyết số 31/NQ-CP ngày 13/5/2015 của Chính phủ; Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 19/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do; Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 07-NQ/ĐUCA(V12) ngày 12/4/2012 của Đảng ủy Công an Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế của lực lượng CAND trong tình hình mới.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
19.3	Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 12-CT/TW của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, Kế hoạch số 127-KH/TU của Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 11447/CTr-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW của Bộ Chính trị.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
19.4	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án 02/ĐA-BCA ngày 02/7/2007 của Bộ Công an về “Công tác đảm bảo an ninh trật tự phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế”; Đề án 06/ĐA-BCA ngày 10/9/2021 của Bộ Công an về triển khai bảo đảm an ninh, trật tự các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; thực hiện các giải pháp công tác an ninh phục vụ Đề án của tỉnh về “Thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Nai”; Kế hoạch số 55/KH-BCA-A61 ngày 11/3/2016 của Bộ Công an về công tác đảm bảo an ninh quá trình hội nhập kinh tế trong tình hình mới.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
19.5	Tăng cường tiềm lực, năng lực tự chủ bảo vệ an ninh, hoà bình, ổn định và thúc đẩy hội nhập của đất nước, địa phương, thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2023 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
20	Cục Hải quan		
20.1	Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, tham mưu đề xuất, kiến nghị các cấp có thẩm quyền nhằm sửa đổi kịp thời những thủ tục hành chính chồng chéo, không còn phù hợp và ban hành các văn bản mới rõ ràng, cụ thể, đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch, khả thi, phù hợp các cam kết quốc tế và tình hình thực tế địa phương.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
20.2	Triển khai thực hiện Quyết định 123/QĐ-TCHQ ngày 31/01/2023; Quyết định 3030/QĐ-TCHQ	Các sở, ban,	Thường

	ngày 30/12/2022 của Tổng cục Hải quan nhằm cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch...góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh.	ngành, địa phương liên quan	xuyên
20.3	Tiếp tục triển khai sâu rộng và hiệu quả nhất Hệ thống trao đổi thông tin Hải quan - Doanh nghiệp (DN Customs - Info) cho phép trao đổi thông tin qua lại hai chiều một cách nhanh chóng, thuận tiện, chính xác giúp giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
20.4	Quan tâm, chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ cán bộ, công chức trong thời kỳ hội nhập quốc tế.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
21	Ban Dân tộc tỉnh		
21.1	Triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
21.2	Tăng cường hợp tác quốc tế để huy động nguồn lực thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia theo Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2020.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
22	Ban Quản lý Các Khu công nghiệp		
22.1	Thực hiện tốt công tác quản lý các Khu công nghiệp, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra. Chủ động đề xuất, kiến nghị với tỉnh về các cơ chế chính sách nhằm giúp cho hoạt động xuất nhập khẩu và kết quả sản xuất kinh doanh tại các Khu công nghiệp đạt được kế hoạch đề ra.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
22.2	Tập trung thu hút các dự án phù hợp định hướng thu hút đầu tư của tỉnh, dự án công nghiệp hỗ trợ, công nghệ sạch, tiến tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
22.3	Thu hút các dự án đầu tư mới phù hợp với định hướng phát triển bền vững, chiến lược xanh của tỉnh, chủ yếu tập trung vào các dự án vốn đầu tư lớn, dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

		phương liên quan	
22.4	Thường xuyên nghiên cứu, đánh giá tiềm năng, thị trường, xu hướng và đối tác đầu tư; thường xuyên cập nhật bộ thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh ban hành, thông tin về tình hình thu hút đầu tư, chính sách pháp luật.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
23	UBND các huyện, thị xã, thành phố		
23.1	Thường xuyên tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, chương trình hành động, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh về hội nhập quốc tế.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
23.2	Chủ động tuyên truyền, phổ biến các nội dung liên quan đến các Hiệp định thương mại tự do để các doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, tận dụng những ưu đãi về thuế quan; đặc biệt là những vấn đề liên quan đến thị trường Trung Quốc.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
23.3	Nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác hội nhập, các cơ quan, đơn vị tạo mọi điều kiện, quan tâm cử cán bộ tham gia các chương trình, các đợt tập huấn kiến thức liên quan đến hội nhập quốc tế.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
23.4	Định kỳ thực hiện đối thoại với doanh nghiệp, cả nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực được giao quản lý để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật; đồng thời tôn vinh những doanh nghiệp, cá nhân có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển của địa phương.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
23.5	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết các thủ tục hành chính; nỗ lực xây dựng chính quyền điện tử.	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
24	Các Hội/Hiệp hội nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh		
24.1	Đẩy mạnh việc phổ biến, tuyên truyền nội dung, tác động, giải pháp tận dụng cơ hội, ứng phó thách thức từ các cam kết WTO, FTA và các cam kết khác về thương mại và đầu tư theo từng lĩnh vực, vấn đề, thị trường mà doanh nghiệp quan tâm.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
24.2	Tham gia góp ý, phản biện từ góc độ doanh nghiệp cho việc xây dựng pháp luật, chính sách thực thi các cam kết FTA.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên

24.3	Thực hiện việc giám sát từ góc độ doanh nghiệp đối với việc thực thi cam kết FTA của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cũng như các đối tác, đặc biệt trong các khía cạnh có liên quan trực tiếp tới quyền và lợi ích của doanh nghiệp.	Các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên
24.4	Tổng hợp, phản ánh các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp trong thực thi các cam kết và trong quá trình hội nhập, tham mưu đề xuất giải pháp chính sách để khắc phục kịp thời, hiệu quả các bất cập.	Các Doanh nghiệp, hội viên	Thường xuyên
24.5	Tổng hợp ý kiến doanh nghiệp, tham vấn thực thi và hiệu quả với các cơ quan đàm phán trong đàm phán các FTA mới, nâng cấp các FTA hiện có.	Các Doanh nghiệp, hội viên	Thường xuyên
24.6	Tư vấn, hỗ trợ, đại diện doanh nghiệp tham gia vào quy trình giải quyết các rào cản thương mại quốc tế, các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại và các vụ việc khác biệt ở các thị trường nước ngoài.	Các Doanh nghiệp, hội viên	Thường xuyên